

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09-DN

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	25.998.412.269	4.379.025.226	3.451.400.550	-	33.828.838.045
Mua trong năm	-	-	-	118.000.000	118.000.000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(742.707.550)	-	-	-	(742.707.550)
Giảm khác	(4.255.670.706)	-	-	-	(4.255.670.706)
Tại ngày 31/12/2017	21.000.034.013	4.379.025.226	3.451.400.550	118.000.000	28.948.459.789
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2017	17.529.530.376	2.873.378.279	1.761.957.545	-	22.164.866.200
Khấu hao trong năm	785.824.348	254.635.875	266.400.965	19.666.666	1.326.527.854
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(603.307.694)	-	-	-	(603.307.694)
Giảm khác	(3.810.223.067)	-	-	-	(3.810.223.067)
Tại ngày 31/12/2017	13.901.823.963	3.128.014.154	2.028.358.510	19.666.666	19.077.863.293
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	8.468.881.893	1.505.646.947	1.689.443.005	-	11.663.971.845
Tại ngày 31/12/2017	7.098.210.050	1.251.011.072	1.423.042.040	98.333.334	9.870.596.496
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	5.020.916.425	2.330.758.381	903.062.720	-	8.254.737.526

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	2.996.027.000	115.000.000	3.111.027.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>2.996.027.000</u>	<u>115.000.000</u>	<u>3.111.027.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	648.346.380	14.375.000	662.721.380
Khấu hao trong năm	58.940.580	19.166.667	78.107.247
Tại ngày 31/12/2017	<u>707.286.960</u>	<u>33.541.667</u>	<u>740.828.627</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	<u>2.347.680.620</u>	<u>100.625.000</u>	<u>2.448.305.620</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>2.288.740.040</u>	<u>81.458.333</u>	<u>2.370.198.373</u>

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

KHOẢN MỤC	<u>01/01/2017</u>	<u>Tăng</u> <u>trong năm</u>	<u>Giảm</u> <u>trong năm</u>	<u>31/12/2017</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Nhà	16.888.749.609	4.272.954.975	2.347.995.399	18.813.709.185
Nhà	16.888.749.609	4.272.954.975	2.347.995.399	18.813.709.185
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Nhà	3.959.779.914	1.253.844.912	375.679.264	4.837.945.562
Nhà	3.959.779.914	1.253.844.912	375.679.264	4.837.945.562
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Nhà	12.928.969.695			13.975.763.623
Nhà	12.928.969.695			13.975.763.623
<b>Danh mục Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2017</b>				
	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>	
	VND	VND	VND	
Nhà tầng 1 và tầng 2 tại 195 Đội Cấn	2.652.020.972	933.061.916	1.718.959.056	
Nhà tầng 1 chung cư N04B2 khu đô thị mới Dịch Vọng	5.861.891.998	373.063.135	5.488.828.863	
Nhà tầng 1 toàn nhà D2 Giảng Võ	1.900.000.000	240.666.667	1.659.333.333	
Nhà tại 84 Quán Thánh	3.407.785.075	2.433.320.515	974.464.560	
Nhà tại 113 Sơn Tây	4.249.303.590	217.482.850	4.031.820.740	
Nhà làm việc tại 179 Giảng Võ	742.707.550	640.350.479	102.357.071	
<b>Cộng</b>	<u>18.813.709.185</u>	<u>4.837.945.562</u>	<u>13.975.763.623</u>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công trình 168 Lò Đúc, Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Công trình nhà 16 Châu Long, Hà Nội	1.522.488.460	1.492.470.278
<b>Cộng</b>	<b><u>1.552.488.460</u></b>	<b><u>1.522.470.278</u></b>

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Tổng giá trị vốn góp là 17.663.000.000 đồng, tương đương 1.766.300 cổ phần, chiếm 10,16% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1. Trong đó, giá trị vốn góp bằng tài sản cố định hữu hình là 3.494.000.000 đồng và góp bằng lợi thế khai thác quyền sử dụng đất là 14.169.000.000 đồng.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tiến Hưng	10.629.695.451	10.629.695.451	8.131.559.629	8.131.559.629
Công ty TNHH Interflour Việt Nam	141.390.700	141.390.700	2.306.219.700	2.306.219.700
Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi	700.000.000	700.000.000	2.301.353.000	2.301.353.000
Công ty CP XNK Thịnh Phú An Giang	8.458.027.500	8.458.027.500	-	-
CN CB và XK Lương thực Đồng Tháp-Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	2.634.502.000	2.634.502.000	1.264.000.000	1.264.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimalour	1.303.826.276	1.303.826.276	1.637.454.269	1.637.454.269
CN Công ty TNHH Uni president Việt Nam tại Quảng Nam	1.526.990.000	1.526.990.000	1.540.035.000	1.540.035.000
Công ty TNHH AB Mauri Việt Nam	1.941.372.755	1.941.372.755	1.479.832.255	1.479.832.255
Phải trả người bán khác	4.331.432.013	4.331.432.013	6.091.477.062	6.091.477.062
<b>Cộng</b>	<b><u>31.667.236.695</u></b>	<b><u>31.667.236.695</u></b>	<b><u>24.751.930.915</u></b>	<b><u>24.751.930.915</u></b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp-Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	2.634.502.000	1.264.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MÃ SỐ B09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Bà Nguyễn Thị Liên	5.732.199.017	4.224.030.616
Khách hàng khác	2.866.365.675	116.238.611
<b>Cộng</b>	<b><u>8.598.564.692</u></b>	<b><u>4.340.269.227</u></b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.126.039.138</b>	<b>1.195.848.682</b>
Doanh thu nhận trước	3.126.039.138	1.195.848.682
<b>Dài hạn</b>	<b>20.714.212.929</b>	<b>22.526.127.935</b>
Lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (i)	14.169.000.000	14.169.000.000
Giá trị tài sản được nhận từ Dự án 195 Đội Cấn (ii)	1.718.959.052	1.820.074.292
Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà chung cư N04B2 khu đô thị mới Dịch Vọng (iii)	2.657.828.862	2.051.847.221
Giá trị tài sản được nhận từ dự án chung cư Hoàng Sâm, Cầu Giấy (iii)	-	2.066.235.951
Giá trị tài sản được nhận từ dự án tòa nhà D2 Giảng Võ (iv)	1.659.333.333	1.735.333.333
Doanh thu nhận trước	509.091.682	683.637.138
<b>Cộng</b>	<b><u>23.840.252.067</u></b>	<b><u>23.721.976.617</u></b>

- (i) Là giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 (Công ty con của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc). Theo công văn số 719/TCTLTMB - TCKT ngày 25/12/2008 của Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, do Công ty chưa có đủ hồ sơ pháp lý để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1 theo cam kết góp vốn, nên Công ty chưa ghi nhận thu nhập tương ứng với giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng đất nêu trên.
- (ii) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 12/03/2003 về việc hợp tác đầu tư xây dựng công trình tổ hợp cao tầng tại số 195 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. Bất động sản được sử dụng để cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.
- (iii) Là giá trị còn lại của các bất động sản được chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại - tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh - số 3 Đặng Trần Côn ký ngày 15/05/2002 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô. Các bất động sản này được sử dụng cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của các bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đổi 132 m<sup>2</sup> sàn thương mại tầng 1 tại tòa nhà chung cư Hà Đô phố Hoàng Sâm với Công ty Cổ phần tập đoàn Hà Đô để nhận lại 185,5 m<sup>2</sup> sàn còn lại tại tầng 1 tòa nhà chung cư N04B2 dự án khu đô thị mới Dịch Vọng theo Phụ lục



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

hợp đồng số 04/PLHD ngày 22/11/2017. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày bàn giao là 1.972.316.135 đồng, được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí khác - Xem thêm Thuyết minh số 32. Đồng thời, doanh thu chưa thực hiện liên quan tới tài sản này được Công ty kết chuyển toàn bộ vào Thu nhập khác với số tiền tương ứng là 1.972.316.135 đồng - Xem thêm Thuyết minh số 31.

- (iv) Là giá trị còn lại của bất động sản được chia theo Hợp đồng số 102/HĐ/GB-SĐTL về việc hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội tại tầng 1, nhà D2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội ký ngày 28/07/2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Gia Bảo. Bất động sản được sử dụng cho thuê. Công ty thực hiện phân bổ giá trị của các bất động sản nhận được vào thu nhập khác theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm, tương ứng với thời gian sử dụng ước tính của tài sản này.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.536.032.721</b>	<b>46.570.836.129</b>
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (**)	25.500.000.000	25.500.000.000
Bảo hiểm xã hội	-	27.016.816
Tạm trích tiền thuê đất, thuê nhà phải trả các Chi cục Thuế (*)	6.136.853.659	5.646.595.848
Tiền thuê đất, thuê nhà phải trả Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	6.170.384.060	5.391.971.422
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	332.600.000
Phải trả khác	10.698.795.002	9.672.652.043
<b>Dài hạn</b>	<b>1.315.822.605</b>	<b>1.662.305.469</b>
Nhập ký quỹ, ký cược dài hạn	1.080.453.500	1.092.629.500
Phải trả khác	235.369.105	569.675.969
<b>Cộng</b>	<b><u>49.851.855.326</u></b>	<b><u>48.233.141.598</u></b>

(\*) Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa có số liệu quyết toán cuối cùng về số tiền thuê đất, thuê nhà còn phải trả các Chi cục Thuế.

(\*\*) Phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (Công ty mẹ - Bên liên quan) theo hợp đồng dự trữ lưu thông số 01/QLV/VINAFOOD1/2017 ngày 12/09/2017.

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn là khoản dự phòng chi phí sửa chữa các tài sản là nhà cửa, cơ sở hạ tầng tại các điểm bán hàng và cho thuê của Công ty theo kế hoạch sửa chữa tài sản hàng năm của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B09 - DN

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(185.384.830)	4.017.736.621	3.772.112.676	60.239.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.197.738	1.272.810.964	851.190.619	620.818.083
Thuế thu nhập cá nhân	22.205.884	231.148.111	220.348.677	33.005.318
Thuế đất, tiền thuế đất	5.620.714	9.989.936.520	9.989.936.520	5.620.714
Thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	138.282.130	138.282.130	-
<b>Cộng</b>	<b>41.639.506</b>	<b>15.649.914.346</b>	<b>14.971.870.622</b>	<b>719.683.230</b>

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu nhà nước (\*)

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

535.779.211

577.418.717

535.779.211

1.255.462.441

(\*) Bao gồm phải thu thuế GTGT còn được hoàn của Chi nhánh An Giang là 534.018.948 đồng và thuế TNDN nộp thừa của Chi nhánh Kinh doanh Lương thực Thực phẩm là 1.760.263 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B09 - DN

**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>10.950.000.000</b>	<b>10.950.000.000</b>	<b>82.466.563.600</b>	<b>83.605.563.600</b>	<b>9.811.000.000</b>	<b>9.811.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	20.925.000.000	20.925.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	-	-	38.051.840.000	38.051.840.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - PGD Quán Thánh	-	-	828.723.600	828.723.600	-	-
Các khoản vay các nhân của các Chi nhánh trực thuộc Công ty Bà Nguyễn Thị Liên	10.950.000.000	10.950.000.000	22.661.000.000	23.800.000.000	9.811.000.000	9.811.000.000
Ông Đỗ Khắc Nghị	2.700.000.000	2.700.000.000	-	-	2.700.000.000	2.700.000.000
Ông Phạm Văn Đạo	2.580.000.000	2.580.000.000	-	2.580.000.000	-	-
Ông Phạm Thọ Quyết	3.990.000.000	3.990.000.000	17.325.000.000	17.210.000.000	4.105.000.000	4.105.000.000
Các cá nhân khác	1.680.000.000	1.680.000.000	3.136.000.000	2.810.000.000	2.006.000.000	2.006.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>45.000.000</b>	<b>45.000.000</b>	-	<b>45.000.000</b>	-	-
Ông Phùng Văn Đạt	45.000.000	45.000.000	-	45.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.995.000.000</b>	<b>10.995.000.000</b>	<b>82.466.563.600</b>	<b>83.650.563.600</b>	<b>9.811.000.000</b>	<b>9.811.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B09 - DN

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>16.263.076.924</b>		<b>943.172.263</b>	<b>47.206.249.187</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.501.163.527	1.501.163.527		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(943.172.263)	(943.172.263)		
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>16.263.076.924</b>		<b>1.501.163.527</b>	<b>47.764.240.451</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.641.531.278	2.641.531.278		
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	301.047.174		(1.501.163.527)	(1.200.116.353)		
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>16.564.124.098</b>		<b>2.641.531.278</b>	<b>49.205.655.376</b>		

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31/03/2017, lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền: 150.116.353 đồng;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển với số tiền: 301.047.174 đồng;
- Cổ tức trả bằng tiền mặt 3,5% tương đương với 1.050.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Vốn góp của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc	15.300.000.000	15.300.000.000
Các cổ đông khác	14.700.000.000	14.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>	<b><u>30.000.000.000</u></b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.050.000.000	900.000.000

**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**25. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	83.188,73	451.971,04

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	689.192.101.800	832.806.638.072
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.110.090.918	16.825.868.307
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư, cho thuê tài sản	8.450.057.282	4.149.309.729
<b>Cộng</b>	<b><u>708.752.250.000</u></b>	<b><u>853.781.816.108</u></b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	185.025.617.594	268.473.982.500
Trung tâm nghiên cứu và phát triển Gạo Việt- CN Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	12.466.156.000	34.859.660.000
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp- Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	-	7.750.000.000
Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam	3.727.235.000	3.950.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng tại Đồng Tháp	10.338.650.000	6.616.887.000
Chi nhánh lương thực Hà Đông- Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	-	584.365.500
Công ty Cổ phần Lương Thực Thanh Hóa	-	3.946.840.000
Công ty Cổ phần XD và CB Lương thực Vĩnh Hà	-	12.400.000

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa đã bán	660.018.303.970	799.618.053.787
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.635.086.829	3.209.864.511
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	650.537.218	556.262.103
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.728.055.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>662.303.928.017</u></b>	<b><u>801.656.125.401</u></b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.158.388.714	1.663.054.959
Lãi chênh lệch tỷ giá	154.786.052	289.565.684
Doanh thu hoạt động tài chính khác	571.455.274	462.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.884.630.040</u></b>	<b><u>2.415.120.643</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	913.441.562	943.507.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.710.209	200.528.293
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>915.151.771</u></b>	<b><u>1.144.035.932</u></b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>15.241.873.931</b>	<b>13.589.151.391</b>
Chi phí cho nhân viên	7.519.729.442	7.244.785.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.109.280	164.336.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	584.353.808	523.050.340
Thuê đất, thuê nhà	3.321.756.964	2.906.161.863
Dự phòng chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.145.000.000	1.150.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.823.487	261.977.109
Chi phí khác	1.286.100.950	1.338.840.659
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>38.368.980.798</b>	<b>41.055.456.356</b>
Chi phí nhân viên	16.228.980.416	16.328.649.103
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	82.983.017	79.254.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	472.874.005	699.075.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.346.306.198	6.135.816.777
Chi phí khác	16.237.837.162	17.812.661.114

**31. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	48.353.419
Kết chuyển thu nhập khác đối với giá trị tài sản được nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư dự án (*)	2.336.616.975	364.300.840
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác đầu tư tại khu đất 317 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội	4.208.256.000	-
Thu tiền đền bù, hỗ trợ từ hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án tại khu đất 622 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	3.138.800.000	-
Thu nhập từ góp vốn bằng lợi thế khai thác khu đất tại số 9 Mã Mây	-	1.750.000.000
Các khoản khác	3.060.023.086	1.660.363.778
<b>Cộng</b>	<b><u>12.743.696.061</u></b>	<b><u>3.823.018.037</u></b>

(\*) Bao gồm kết chuyển doanh thu chưa thực hiện của Hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại - tổ hợp nhà ở số 9 Cát Linh - số 3 Đặng Trần Côn ký ngày 15/05/2002 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô, với số tiền 1.972.316.135 đồng - Xem Thuyết minh số 19.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị tài sản tại chung cư Hoàng Sâm được đổi để nhận lại tài sản tại chung N04B2 (*)	1.972.316.135	-
Các khoản bị phạt, bồi thường	63.282.130	270.502.723
Các khoản khác	600.701.077	193.725.716
<b>Cộng</b>	<b>2.636.299.342</b>	<b>464.228.439</b>

(\*) Xem Thuyết minh số 19.

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.914.342.242</b>	<b>2.104.856.899</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cộng: chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	4.786.329.555	1.477.910.802
- Chi phí phạt thuế, phạt chậm nộp	63.282.130	150.177.916
- Chi phí dự phòng	2.145.000.000	1.150.000.000
- Tiền hỗ trợ được nhận trước	1.838.800.000	-
- Chi phí khác	739.247.425	177.732.886
Trừ: thu nhập không chịu thuế	2.336.616.975	564.300.840
- Thu nhập đã nộp thuế các năm trước	2.336.616.975	364.300.840
- Thu nhập được chia từ lợi nhuận sau thuế	-	200.000.000
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.364.054.822</b>	<b>3.018.466.861</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.272.810.964</b>	<b>603.693.372</b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.641.531.278	1.501.163.527
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	150.116.353
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.641.531.278	1.351.047.174
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>881</b>	<b>450</b>

(\*): Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 số tiền 150.116.353 đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31/03/2017 (Thuyết minh số 24). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MÃ SỐ B09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.415.108.497	51.731.490.307
Chi phí nhân công	24.549.411.858	24.534.894.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.055.172.319	1.881.723.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.367.368.246	16.228.999.636
Chi phí dự phòng	2.145.000.000	1.150.000.000
Chi phí khác bằng tiền	22.058.129.157	22.906.578.929
<b>Cộng</b>	<b><u>152.590.190.077</u></b>	<b><u>118.433.687.288</u></b>

**36. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có Bên liên quan là Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (Công ty mẹ) và:

**Bên liên quan là công ty con của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc**

- |   |   |
|---|---|
| 1. Công ty TNHH Lương thực Phương Đông                        | 13. Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng                    |
| 2. Công ty Cổ phần Phân phối - Bán lẻ VNF1                    | 14. Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà |
| 3. Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh                         | 15. Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng                     |
| 4. Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái                         | 16. Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La                       |
| 5. Công ty Cổ phần Lương thực Hà Giang                        | 17. Công ty Cổ phần Lương thực Bình Trị Thiên               |
| 6. Công ty Cổ phần Lương thực Đông Bắc                        | 18. Công ty Cổ phần Lương thực Thái Nguyên                  |
| 7. Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam                             | 19. Công ty Cổ phần Lương thực Tuyên Quang                  |
| 8. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực Thực phẩm Hà Nội | 20. Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh              |
| 9. Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình                     | 21. Công ty Cổ phần Muối và Thương mại Hà Tĩnh              |
| 10. Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Hóa                      | 22. Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên                   |
| 11. Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc                         | 23. Công ty Cổ phần Lương thực Tỉnh Điện Biên               |
| 12. Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định                       | 24. Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood1                        |

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	25.004.686.360	30.818.059.775
Chi nhánh Chế biến và Xuất khẩu Lương thực Đồng Tháp- Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	31.131.310.000	44.108.706.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc - Chi nhánh Cái Sắn An Giang	-	4.075.000.000
Chi nhánh Lương thực Phú Tín- Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	528.355.000	493.085.000
Trung tâm nghiên cứu và phát triển Gạo Việt- CN Tổng Công ty Lương thực miền Bắc	4.079.250.000	-
Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	-	35.688.392.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	79.736.364	41.330.000
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>1.793.786.800</b>	<b>1.647.460.400</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM HÀ NỘI**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**38. THÔNG TIN KHÁC**

Các dự án đầu tư, công trình đang triển khai:

- Công trình xây dựng toàn nhà VIHAFOOD 16 Châu Long tại địa điểm 16 Châu Long, quận Ba Đình, Hà Nội do Công ty làm chủ đầu tư trực tiếp tổ chức thực hiện. Tổng mức đầu tư của công trình là 9.094.812.000 đồng. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/02/2017, với thời hạn sử dụng 50 năm từ ngày 23/08/2016 và Giấy phép xây dựng số 500/GPXD-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân quận Ba Đình.
- Dự án xây dựng tòa nhà chung cư cao tầng kết hợp với trung tâm thương mại và dịch vụ tại địa chỉ 622 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Dự án được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/HĐKT ngày 02/11/2009 với Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và hạ tầng TELIN. Tổng vốn đầu tư dự kiến của Dự án khoảng 589,7 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và hạ tầng TELIN sẽ góp toàn bộ bằng tiền vốn đầu tư Dự án. Công ty góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất và quyền thuê khu đất tại ngõ 622 Minh Khai. Dự án đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 21/01/2017. Ngày 29/12/2017, Công ty đã bàn giao toàn bộ mặt bằng tại khu đất trên cho Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và hạ tầng TELIN để triển khai Dự án.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tú

Dương Tuấn Linh

Trần Hữu Hạnh



